

Số: 218/2026/QĐST -HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA**

Căn cứ khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 178/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

\* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Phạm Thị N, sinh năm: 1996.

Số CCCD: 038196030470, cấp ngày 11 tháng 8 năm 2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi cư trú: Thôn L, xã X, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Trịnh Bá D, sinh năm: 1993.

Số CCCD: 038093020300, cấp ngày 11 tháng 8 năm 2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi cư trú: Thôn L, xã X, tỉnh Thanh Hóa..

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Trịnh Bá D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 06/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Thanh Hóa) là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do

tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng anh chị và hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị N và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị tự nguyện ly hôn và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Trịnh Bá D công nhận vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Bá T, sinh ngày 13/11/2020. Chị N và anh D thống nhất thỏa thuận, khi ly hôn, chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trịnh Bá T. Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thị N và anh Trịnh Bá D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị N và anh Trịnh Bá D thống nhất thỏa thuận chị Phạm Thị Ngọc C toàn bộ lệ phí về việc yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[5] Ngày 06/5/2026, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa đã mở phiên hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành, đồng thời các đương sự giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận giải quyết toàn bộ việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Trịnh Bá D

1.2. Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Trịnh Bá D công nhận vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Bá T, sinh ngày 13/11/2020. Chị N và anh D thống nhất thỏa thuận, khi ly hôn, chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trịnh Bá T. Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Anh Dũng có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Phạm Thị N và anh Trịnh Bá D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị N và anh Trịnh Bá D thống nhất thỏa thuận chị Ngọc C toàn bộ lệ phí về việc yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số: 0003022 ngày

17/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị Phạm Thị N đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND khu vực 8 - Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Xuân Tuyên**

